

# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

## CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Ngày 15/01/2024	<b>14,600 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>27.0%</b>	<b>20.7%</b>	<b>-9.9%</b>

**DT thuần**  
Q4/23

**14.5**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.70 | -24.6%  
YoY: ▼17.8 | -55.2%

**LN thuần**  
Q4/23

**-2.47**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.61 | -316%  
YoY: ▼0.51 | -25.8%

**LN sau thuế**  
Q4/23

**43.3**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲42.3 | 4143%  
YoY: ▲8.40 | 24.0%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**76.5%**

YoY: +/- ▲40.4%

**ROE**  
2023

**24.0%**

YoY: +/- ▼13.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,800 - 20,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	126
Số lượng CPLH (CP)	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,885
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.15
EPS	4,654
P/E	3.3

**DT thuần**  
2023

**65.4**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼102 | -60.9%

**LN thuần**  
2023

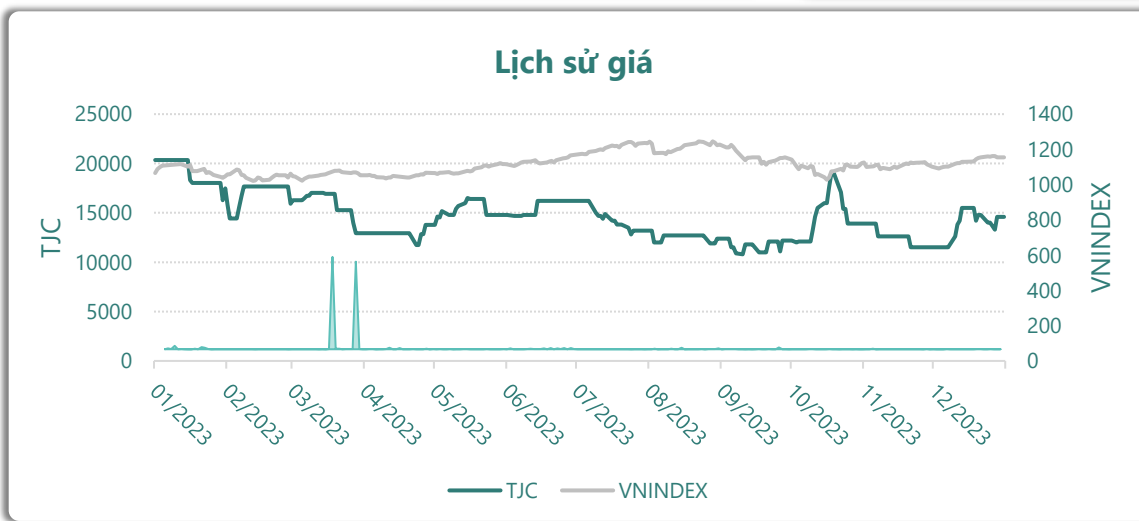
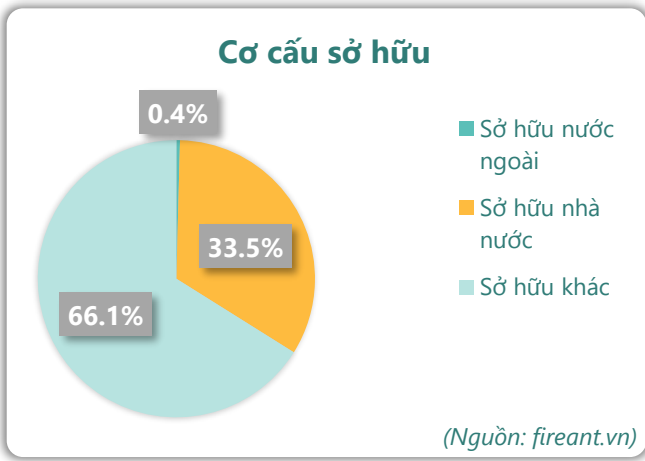
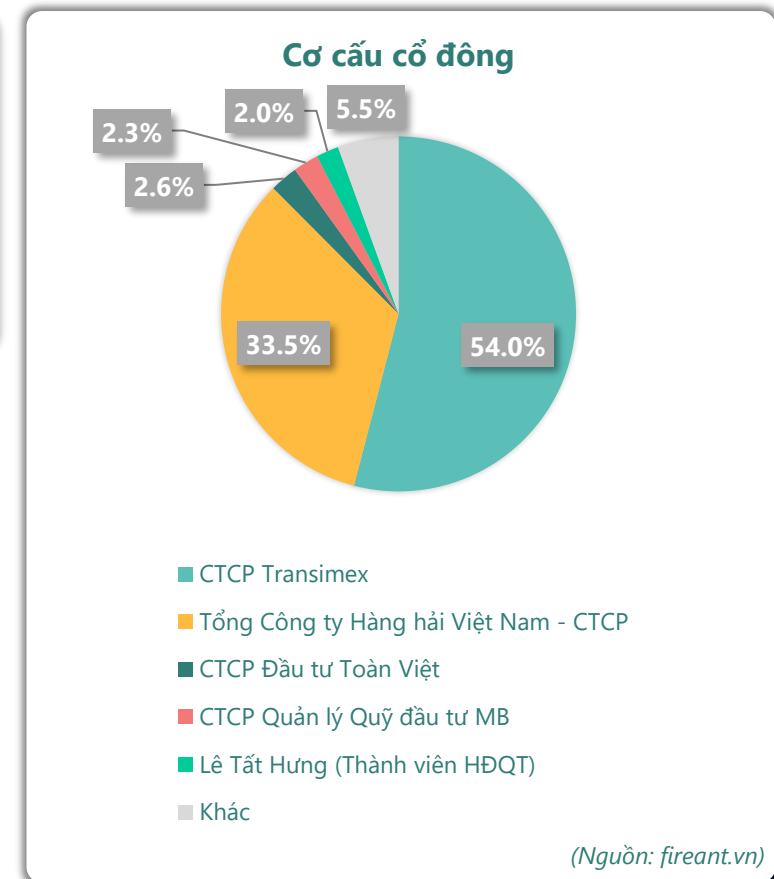
**-5.58**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼20.5 | -137%

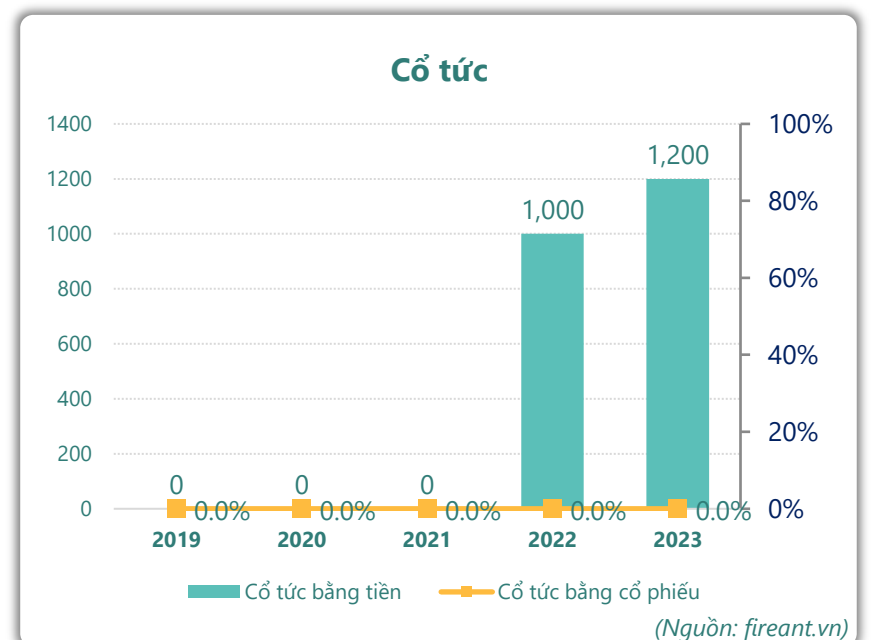
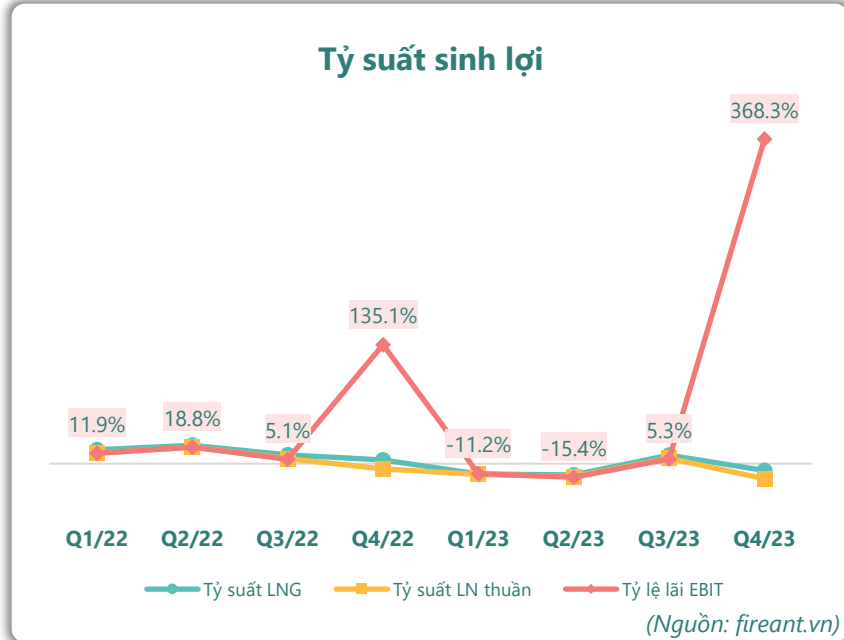
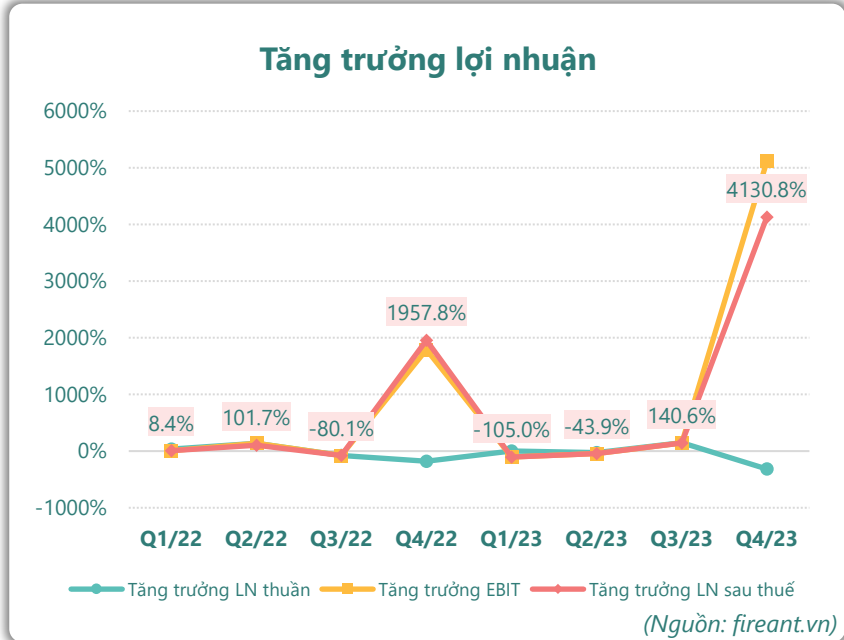
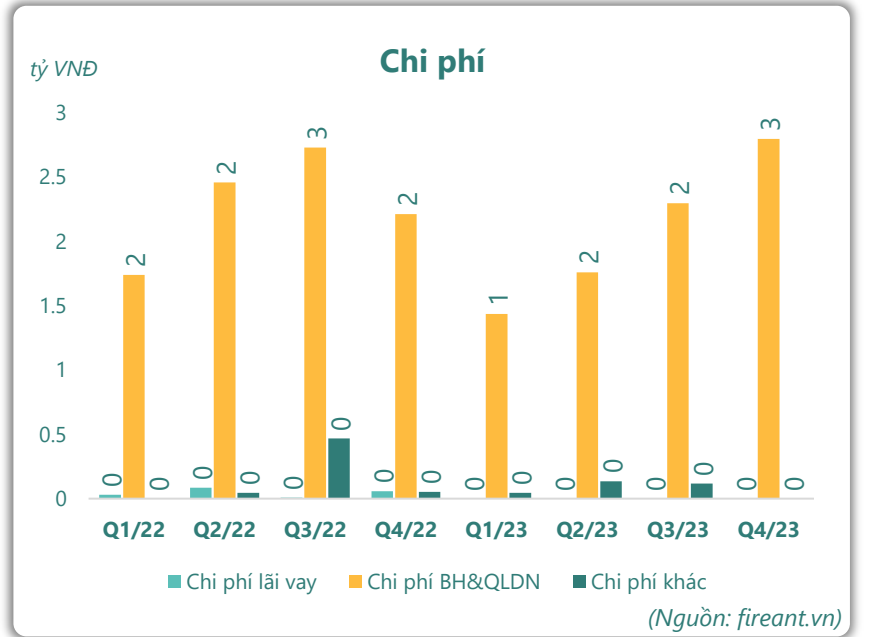
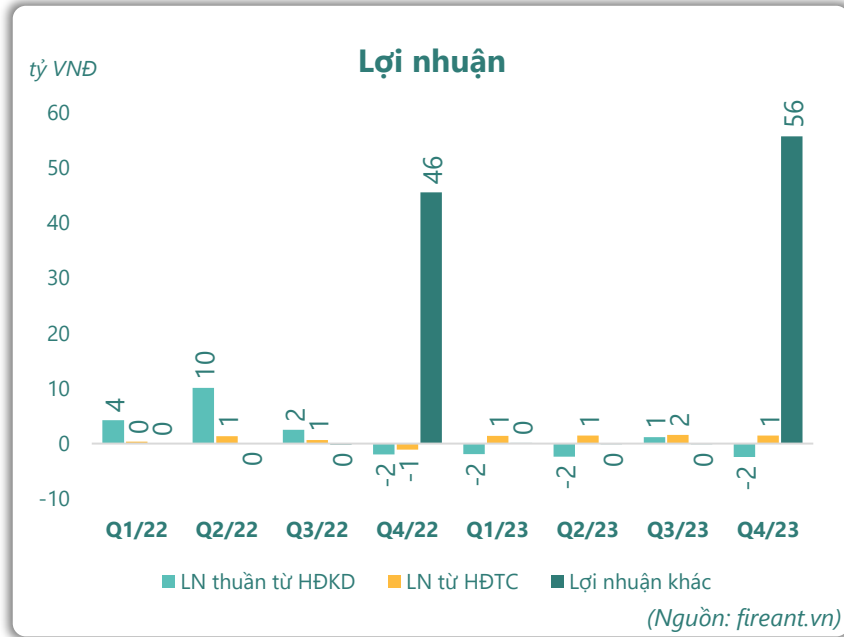
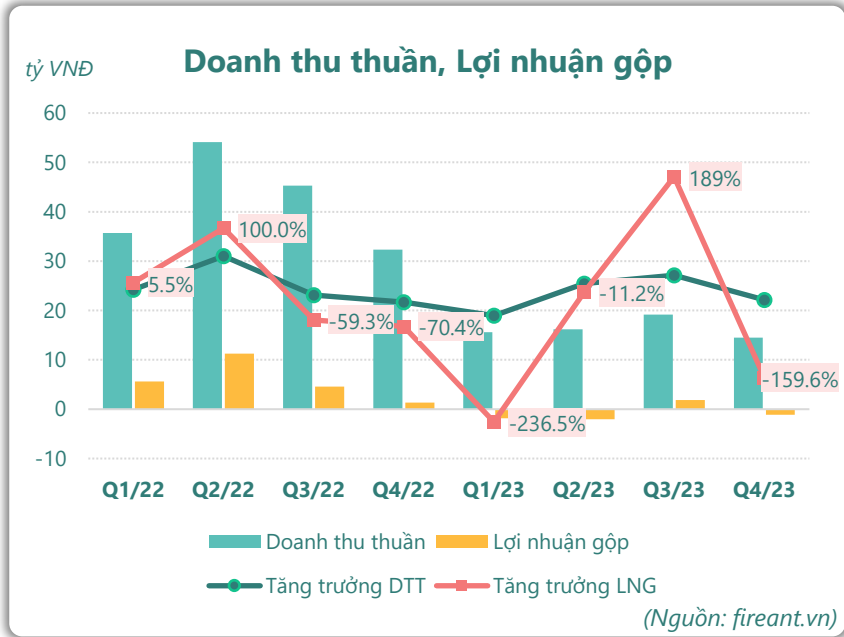
**LN sau thuế**  
2023

**40.0**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼9.40 | -18.9%



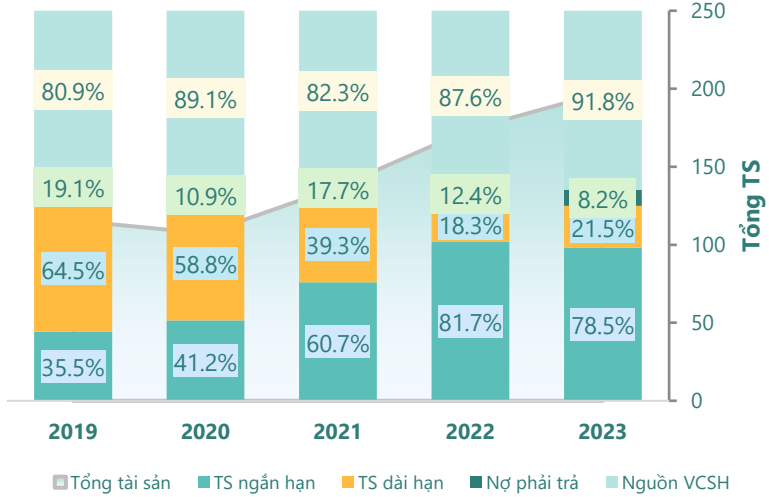
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

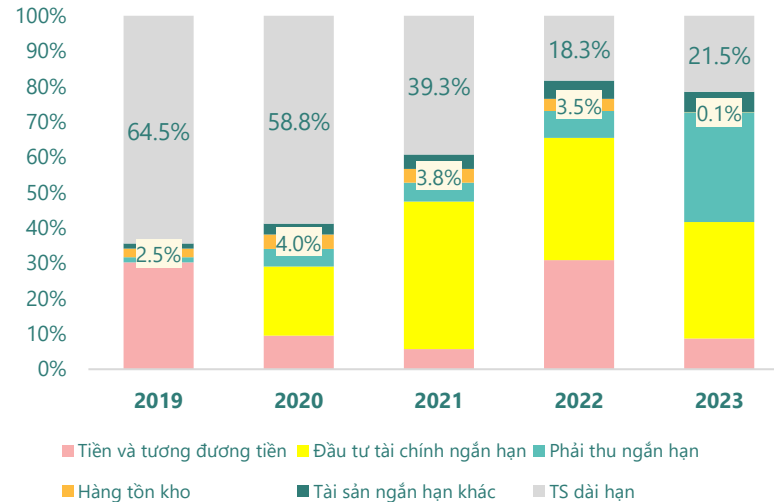
### Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

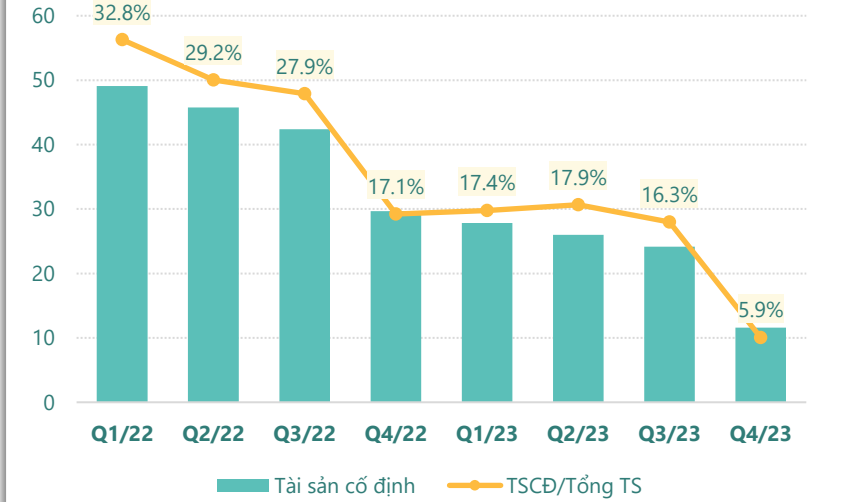
### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

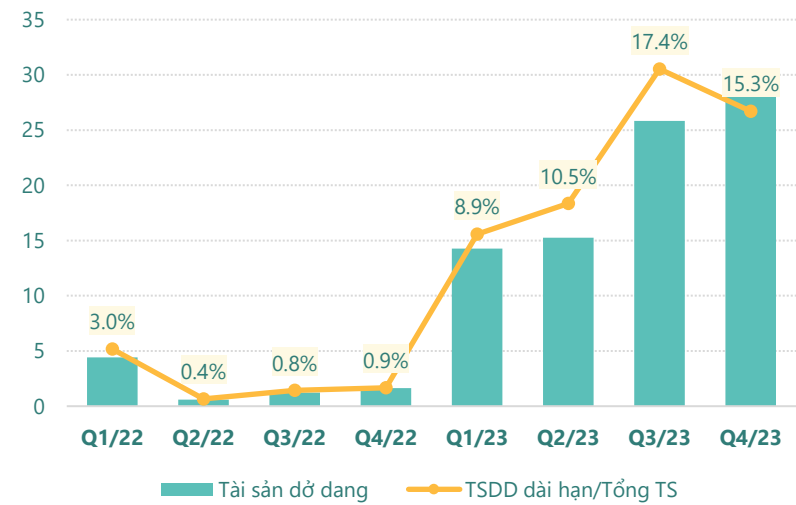
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

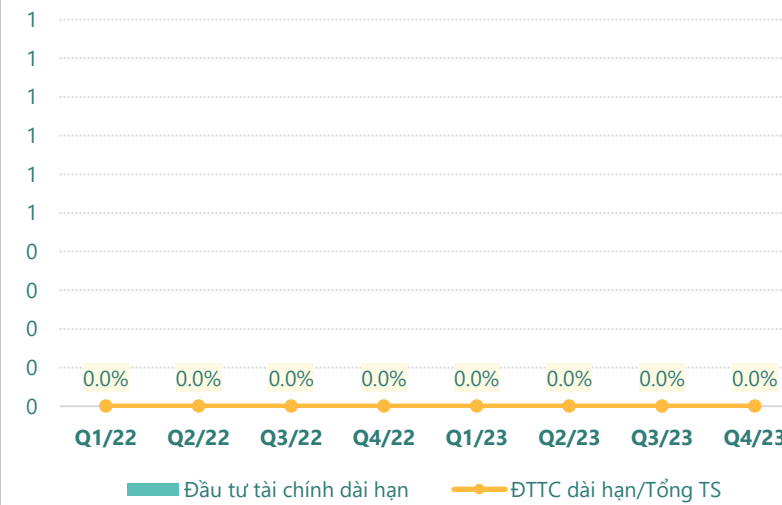
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

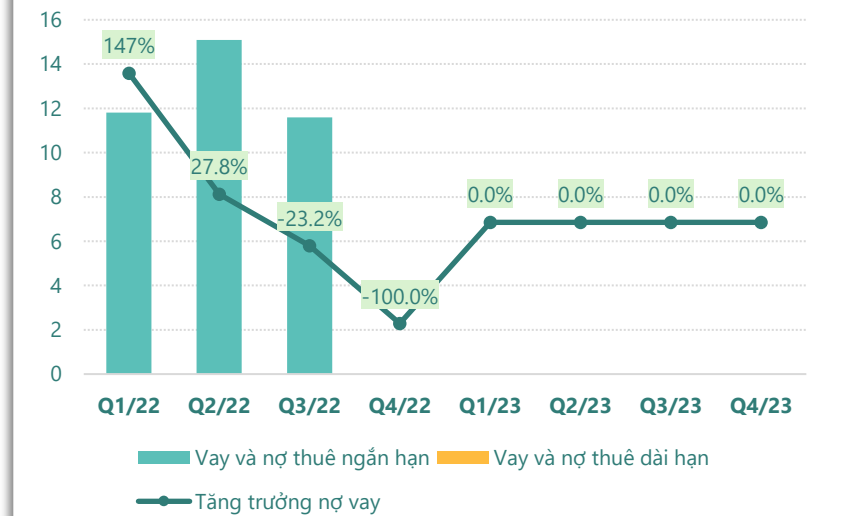
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

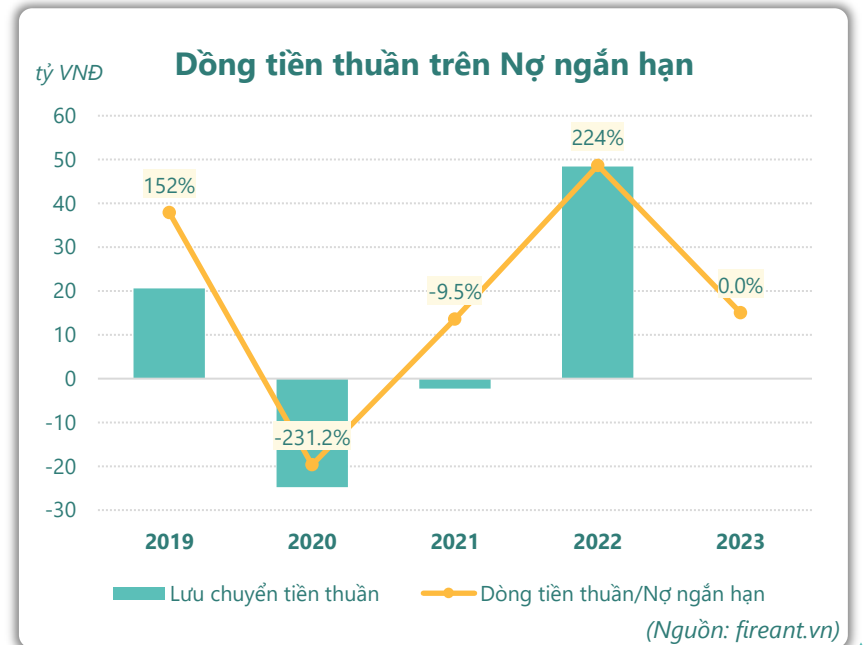
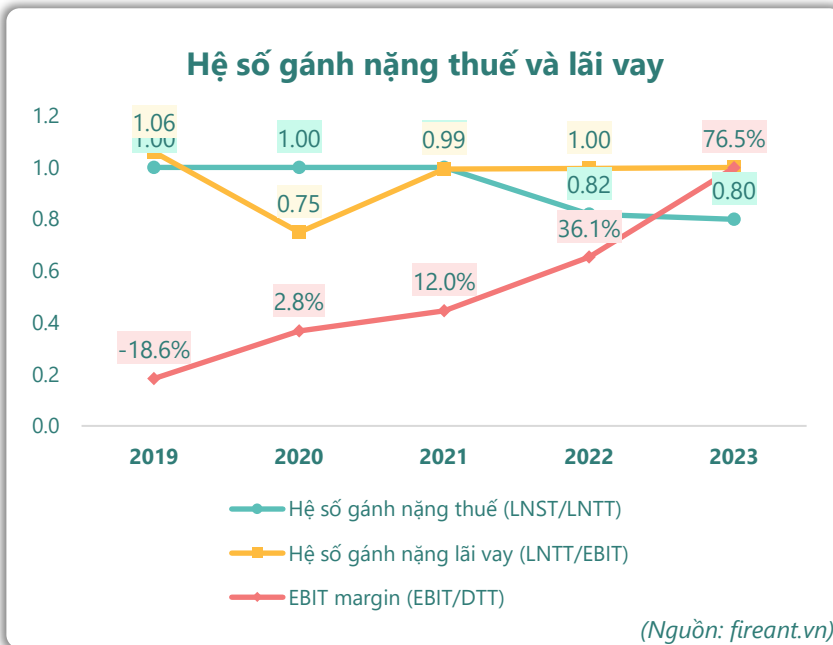
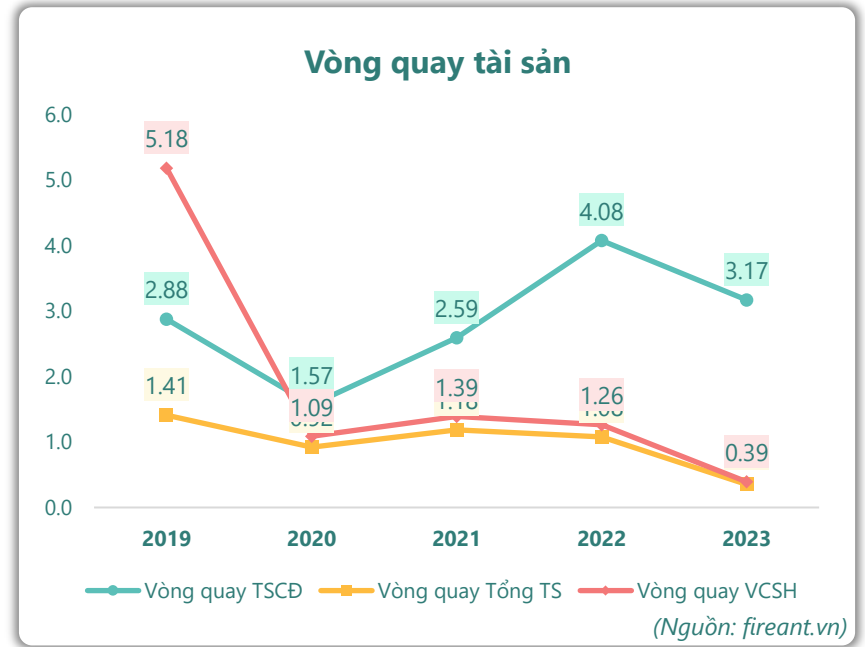
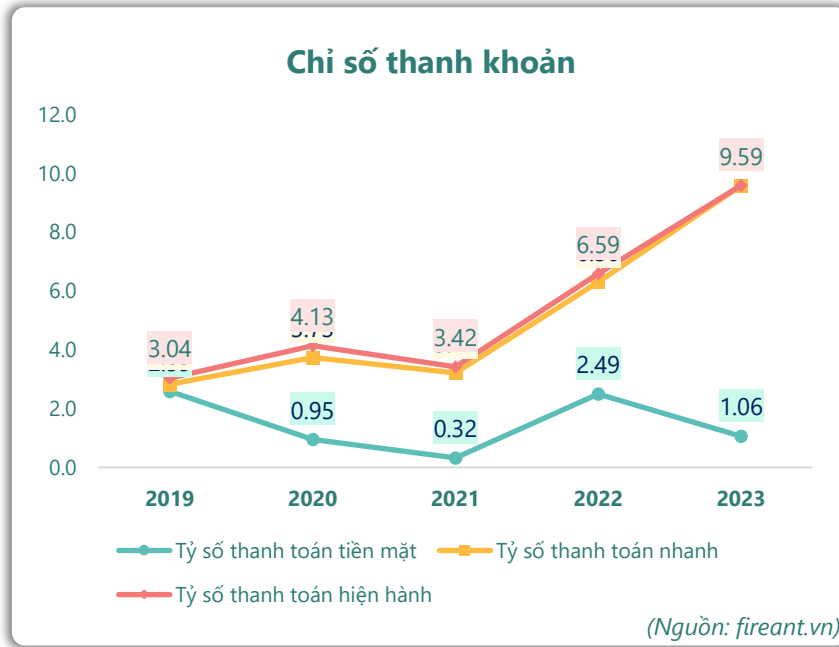
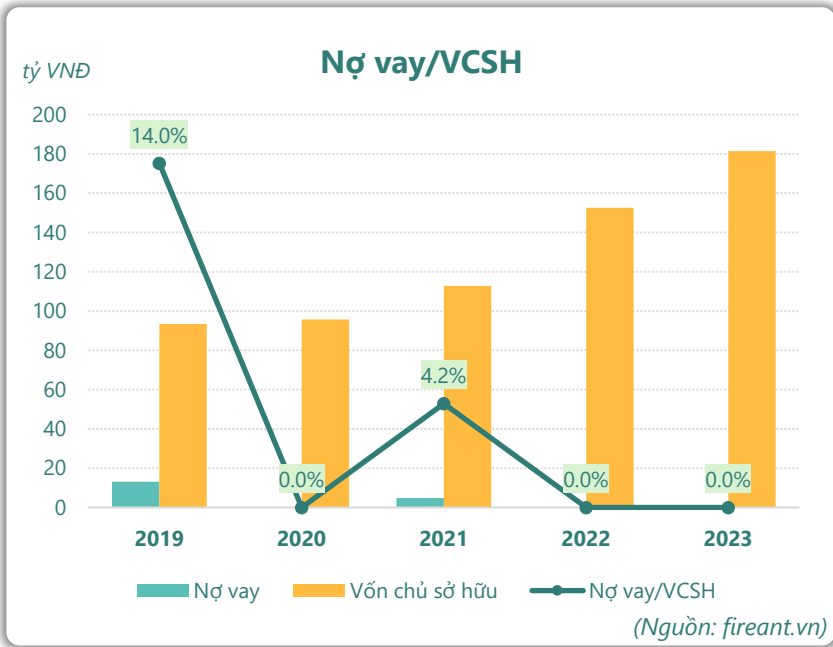
### Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>14.5</b>	<b>32.3</b>	<b>-55.2%</b>	<b>65.4</b>	<b>167</b>	<b>-60.9%</b>
Giá vốn hàng bán	15.6	31.0	-49.8%	68.6	145	-52.6%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>-1.10</b>	<b>1.36</b>	<b>-181%</b>	<b>-3.17</b>	<b>22.8</b>	<b>-114%</b>
Doanh thu HĐTC	1.43	1.99	-28.0%	5.91	4.92	20.1%
Chi phí TC	0.00	3.09	-99.9%	0.04	3.69	-99.0%
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0</b>	<b>0.06</b>	<b>-100%</b>	<b>0</b>	<b>0.24</b>	<b>-100%</b>
LN trong công ty LKLD	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Chi phí bán hàng	0.32	0.18	80.0%	0.98	0.84	16.5%
Chi phí QLDN	<b>2.47</b>	<b>2.03</b>	<b>21.9%</b>	<b>7.31</b>	<b>8.30</b>	<b>-11.9%</b>
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>-2.47</b>	<b>-1.96</b>	<b>-25.8%</b>	<b>-5.58</b>	<b>14.9</b>	<b>-137%</b>
Lợi nhuận khác	<b>55.8</b>	<b>45.6</b>	<b>22.3%</b>	<b>55.7</b>	<b>45.3</b>	<b>22.8%</b>
<b>LN trước thuế</b>	<b>53.3</b>	<b>43.6</b>	<b>22.3%</b>	<b>50.1</b>	<b>60.2</b>	<b>-16.9%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>43.3</b>	<b>34.9</b>	<b>24.0%</b>	<b>40.0</b>	<b>49.4</b>	<b>-18.9%</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>43.3</b>	<b>34.9</b>	<b>24.0%</b>	<b>40.0</b>	<b>49.4</b>	<b>-18.9%</b>

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.68	-3.24	-10.6	-2.16	1.68	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	31.7	28.0	-7.42	-0.49	-8.12	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.33	-11.6	0	-10.3	0	0
Tiền đầu kỳ	10.1	43.1	53.8	35.7	22.8	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>33.0</b>	<b>13.2</b>	<b>-18.0</b>	<b>-13.0</b>	<b>-6.44</b>	<b>0</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-2.53	0	0.04	0	0
Tiền cuối kỳ	43.1	53.8	35.7	22.8	16.4	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>198</b>	<b>174</b>	<b>13.5%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>155</b>	<b>142</b>	<b>9.1%</b>
Tiền và tương đương tiền	17.1	53.8	-68.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.1	60.2	8.1%
Phải thu ngắn hạn	61.4	13.2	365%
Hàng tồn kho	0.14	6.05	-97.7%
Tài sản ngắn hạn khác	11.3	8.96	25.7%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>42.5</b>	<b>31.9</b>	<b>33.1%</b>
Phải thu dài hạn	0	0.09	-100%
Tài sản cố định	11.6	29.7	-61.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.1	1.65	1727%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	<b>0.78</b>	<b>0.51</b>	<b>53.5%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>16.2</b>	<b>21.6</b>	<b>-25.2%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>16.2</b>	<b>21.6</b>	<b>-25.2%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.98	7.40	-32.6%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>181</b>	<b>152</b>	<b>18.9%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>181</b>	<b>152</b>	<b>18.9%</b>
Vốn điều lệ	86.0	86.0	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

(Nguồn: fireant.vn)